

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NGẮN HẠN

1. Bồi dưỡng thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông các cơ sở giáo dục

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
1	Mô đun 6: Xây dựng văn hóa nhà trường tiểu học/THCS/THPT	Chứng nhận	Cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông cấp tiểu học/THCS/THPT	40 Tiết	50	300.000 - 450.000 đồng/học viên/Mô đun (Tùy theo phương thức tổ chức bồi dưỡng)
2	Mô đun 7: Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường ở trường tiểu học/THCS/THPT	Chứng nhận	Cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông cấp tiểu học/THCS/THPT	40 Tiết	50	
3	Mô đun 8: Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học/THCS/THPT	Chứng nhận	Cán bộ quản lý, giáo viên phổ thông cấp tiểu học/THCS/THPT	40 Tiết	50	
4	Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non theo các Thông tư 11, 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26/8/2019	Chứng nhận	Cán bộ quản lý, giáo viên mầm non	Tối thiểu 40 Tiết	50	
5	Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên theo các Thông tư 17, 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019	Chứng nhận	Cán bộ quản lý, giáo viên tiểu học/THCS/THPT	Tối thiểu 40 Tiết	50	

2. Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
1	Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giáo viên các cấp <i>Quyết định số 2000/QĐ-BGDĐT, 2001/QĐ-BGDĐT, 2002/QĐ-BGDĐT, 2003/QĐ-BGDĐT</i>	Chứng chỉ	Giáo viên, viên chức giảng dạy hiện đang công tác tại các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT công lập, đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp	120 Tiết	30 - 50	1,0 - 1,5 Triệu đồng
2	Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho giảng viên <i>Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT (Sửa đổi, bổ sung TT 04/2022/TT-BGDĐT)</i>	Chứng chỉ	Giảng viên, viên chức giảng dạy hiện đang công tác tại các cơ sở giáo dục Đại học công lập, đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách và nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp	240 Tiết	30 - 50	2,5 - 3,0 Triệu đồng
3	Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức làm công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông <i>Quyết định số 2774/QĐ-BGDĐT</i>	Chứng chỉ	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập, bao gồm: Trường trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc bán trú cấp trung học cơ sở; trường phổ thông dân tộc nội trú huyện; trường trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh; trường phổ thông có nhiều cấp học	312 Tiết	30 - 50	2,0 - 2,5 Triệu đồng
4	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Chứng chỉ	1. Viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo	120 Tiết	30 - 50	1,5 – 2,0 Triệu đồng

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
			dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập có người khuyết tật tham gia học tập (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục) chưa có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật. 2. Các cá nhân có nhu cầu bồi dưỡng, cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức hỗ trợ giáo dục người khuyết tật.			

3. Bồi dưỡng giáo viên giảng dạy các môn học mới trong Chương trình GDPT 2018

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng tuyển sinh	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
1	Bồi dưỡng giáo viên Trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên <i>Quyết số 2454/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Đối tượng A: Người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng đơn ngành sư phạm hoặc cử nhân Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học hoặc cử nhân song môn trong đó có 1 môn là Vật lý hoặc Hóa học hoặc Sinh học (Toán - Vật lý; Vật lý - KTCN; Toán học - Hóa học; Sinh học - TDTT...).	36 Tín chỉ	60 - 100	180.000 - 225.000đ /Tín chỉ
			Đối tượng B: Người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng các ngành sư phạm hoặc cử nhân: Vật lý - Hóa học; Hóa học - Sinh học...).	20 Tín chỉ		
2	Bồi dưỡng giáo viên Trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lý <i>Quyết số 2455/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Đối tượng 1: Người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng đơn ngành Sư phạm Lịch sử hoặc tốt nghiệp cao đẳng các ngành sư phạm song môn trong đó có 1 môn là Lịch sử.	20 Tín chỉ	60 - 100	180.000 - 225.000đ /Tín chỉ
			Đối tượng 2: Người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng đơn ngành Sư phạm Địa lý hoặc tốt nghiệp cao đẳng các ngành sư phạm song môn trong đó có 1 môn là Địa lý.			
			Đối tượng 3: Sinh viên năm cuối các trường CĐSP đang học ngành Sư phạm Lịch sử hoặc các ngành sư phạm song môn trong đó có 1 môn là Lịch sử.			
			Đối tượng 4: Sinh viên năm cuối các trường CĐSP đang học ngành Sư phạm Địa lý hoặc các ngành sư phạm song môn trong đó có 1 môn là Địa lý.			
			Đối tượng 5: Giáo viên đang giảng dạy môn Lịch sử, Địa lý			

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng tuyển sinh	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
			đã tốt nghiệp các trường đại học khác mà không có bằng cử nhân sư phạm.			
			Đối tượng 6: Giáo viên được đào tạo chuyên môn khác có nhu cầu dạy môn Lịch sử, Địa lý hoặc sẽ được phân công dạy môn Lịch sử, Địa lý.			
3	Bồi dưỡng giáo viên Tin học dạy môn Tin học và Công nghệ ở Tiểu học <i>Quyết số 2453/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Đối tượng 1: Giáo viên đang dạy môn Tin học ở Tiểu học, đã có bằng Tin học (từ Trung cấp trở lên) hoặc có bằng tốt nghiệp song ngành trong đó có 1 ngành là Tin học.	20 Tín chỉ	60 - 100	180.000 - 225.000đ /Tín chỉ
			Đối tượng 2: Giáo viên đang dạy môn Tin học ở Tiểu học, chưa có bằng Tin học.	24 Tín chỉ		
			Đối tượng 3: Giáo viên sẽ dạy môn Tin học và Công nghệ ở Tiểu học, chưa có bằng Tin học, chưa có bằng Sư phạm kỹ thuật hoặc Sư phạm công nghệ.	28 Tín chỉ		
			Đối tượng 4: Giáo viên sẽ dạy môn Tin học và Công nghệ ở Tiểu học, chưa có bằng Tin học, đã có bằng Sư phạm kỹ thuật hoặc Sư phạm công nghệ.	20 Tín chỉ		

4. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
1	Bồi dưỡng Tổ chức hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm – hướng nghiệp	Chứng nhận	Giáo viên, viên chức giảng dạy đang công tác tại các trường THPT, THCS, Tiểu học được phân công giảng dạy môn học Hoạt động trải nghiệm và giáo viên khác có nhu cầu.	12 Tín chỉ	30 - 50	2,2 - 2,5 Triệu đồng
2	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học	Chứng nhận	- Giảng viên chưa qua đào tạo nghiệp vụ sư phạm. - Người đã tốt nghiệp Đại học có nguyện vọng trở thành giảng viên.	200 Tiết	30 - 50	2,0 - ,0 Triệu đồng
3	Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm Giáo dục mầm non nhằm đáp ứng điều kiện chuẩn giáo viên thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo <i>Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Người có bằng cao đẳng trở lên các ngành Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Tiếng Anh có nguyện vọng tham gia giảng dạy Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo	120 Tiết	30 - 50	2,5 - 3,0 Triệu đồng
4	Nghiệp vụ Sư phạm về Giáo dục hòa nhập <i>Thông tư số 33/2010/TT-BGDĐT, 06/12/2010 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	- Cán bộ quản lý, giáo viên trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập; Nhân viên hoặc người có nhu cầu hỗ trợ giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.	315 Tiết	30 - 50	3,0 - 3,5 Triệu đồng
5	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học <i>Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Những người tốt nghiệp trình độ đại học ngành phù hợp với các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Công nghệ, Giáo dục thể chất có nguyện vọng trở thành giáo viên Tiểu học.	35 Tín chỉ	50	195.000đ /Tín chỉ
6	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng	Chứng chỉ	Những người có bằng cử nhân chuyên ngành	34 Tín chỉ	40	195.000đ /Tín chỉ

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
	cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên Trung học cơ sở (THCS) <i>Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ GD&ĐT</i>		phù hợp với một trong các môn học của cấp THCS có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS			
7	Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên Trung học phổ thông (THPT) <i>Thông tư số 12/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Những người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với một trong các môn học của cấp THPT có nguyện vọng trở thành giáo viên THPT.	34 Tín chỉ	40	195.000đ /Tín chỉ
8	Bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh <i>Quyết định số 1876/QĐ-BGDĐT, 21/5/2018 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông, các trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác có dạy chương trình bổ túc trung học cơ sở, trung học phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh	240 Tiết	40 - 60	2,5 - 3,0 Triệu đồng
9	Bồi dưỡng cán bộ quản lý cơ sở giáo dục	Chứng nhận	- Cán bộ quản lý cấp trường. - Cán bộ quản lý, chuyên viên cấp Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục không chính quy.	300 Tiết	30 - 50	2,0 - 3,0 Triệu đồng
10	Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giáo viên dạy môn Giáo dục công dân <i>Quyết định số 1456 /QĐ-BGDĐT, 28/4/2014 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Giáo viên Giáo dục công dân chưa được đào tạo chuẩn hóa	300 Tiết	30 - 50	2,0 - 2,5 Triệu đồng
11	Bồi dưỡng nghiệp vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục	Chứng chỉ	Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên đang làm hoặc có	300 Tiết	30 - 50	2,0 - 2,5 Triệu đồng

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
	<i>Quyết định số 1923/QĐ-BGDDT ngày 30/05/2014 của Bộ GD&ĐT</i>		nguyên vọng làm công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thực nhưng chưa được đào tạo, bồi dưỡng năng lực hoặc chưa có văn bằng, chứng chỉ về giáo dục mầm non theo quy định hiện hành.			
12	Thiết kế bài giảng E-learning	Chứng nhận	- Sinh viên đã hoặc đang học tại các trường CĐ/ĐH. - Giáo viên, Giảng viên đang giảng dạy tại các cơ sở giáo dục.	60 Tiết	30 - 50	1,5 Triệu đồng
13	Bồi dưỡng CBQL, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông về triển khai giáo dục STEM	Chứng nhận	- CBQL, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. - Sinh viên các trường đại học, cao đẳng và cá nhân có nhu cầu.	45 Tiết	30 - 50	1,5 Triệu đồng
14	Kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	Chứng nhận	- CBQL, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. - Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.	40 Tiết	30 - 50	1,5 Triệu đồng
15	Xây dựng trường học hạnh phúc	Chứng nhận	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy giá trị sống và kỹ năng sống	40 Tiết	30 - 50	1,5 Triệu đồng
16	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy giá trị sống và kỹ năng sống	Chứng chỉ	Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy giá trị sống và kỹ năng sống	15 Tín chỉ	30 - 50	2,2 – 2,5 Triệu đồng
17	Bồi dưỡng giáo viên về giáo dục hoà nhập đối với người khuyết tật <i>Quyết định số 3457/QĐ-BGDDT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	1. Giáo viên dạy học hòa nhập trong các cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trung tâm hỗ trợ	200 Tiết	30 - 50	2,0 – 2,5 Triệu đồng

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
			phát triển giáo dục hòa nhập; trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác thực hiện nhiệm vụ dạy học, giáo dục đối với người khuyết tật. 2. Các đối tượng là giáo viên có nguyện vọng dạy học hòa nhập nhưng chưa qua các lớp đào tạo hoặc bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.			
18	Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ Nâng cao năng lực công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học	Chứng chỉ	Cán bộ quản lý, Giáo viên tại các cơ sở giáo dục phổ thông, các trường chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác có dạy chương trình bổ túc Trung học cơ sở, Trung học phổ thông (được gọi tắt là giáo viên phổ thông); Giáo viên Tổng phụ trách Đội, Bí thư Đoàn Thanh niên; Những người có nguyện vọng.	15 Tín chỉ	30 - 50	2,2 – 2,5 Triệu đồng
19	Tiếng Việt cho người nước ngoài <i>Thông tư số 17/2015/TT- BGDDT, 01/9/2015 của Bộ GD&ĐT</i>	Chứng chỉ	Học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài có nhu cầu được cấp chứng chỉ Tiếng Việt.			3USD/ giờ
20	Thi cấp chứng chỉ Tiếng Việt Quốc gia	Chứng chỉ	Học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh và các tổ chức, cá nhân là người nước ngoài có nhu cầu được cấp chứng chỉ Tiếng Việt.			2,5 Triệu đồng
21	Bồi dưỡng cán bộ quản lý về nghiệp vụ giáo dục hoà nhập đối với người khuyết	Chứng chỉ	1. Cán bộ quản lý cấp sở, phòng giáo dục và đào tạo phụ trách về	240 Tiết	30 - 50	2,0 - 2,5 Triệu đồng

Stt	Chương trình	Chứng chỉ/ chứng nhận	Đối tượng	Khối lượng	Số lượng học viên tối thiểu/lớp	Học phí
	tật <i>Quyết định số 3456/QĐ- BGDDT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT</i>		công tác giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. 2. Cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở giáo dục thường xuyên; trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; trường chuyên biệt; các cơ sở giáo dục khác thực hiện dạy học, giáo dục đối với người khuyết tật			

Tư vấn tuyển sinh vui lòng liên hệ

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng
Số 459 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng

Email: lkdt@ued.udn.vn - tuyensinh@ued.udn.vn

Website: <http://lkdt.ued.udn.vn/>

Facebook: <https://www.facebook.com/ueddn/>

Điện thoại: 02363.789.976 - 0898.204.204 – 0898.23.35.27